

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1232/UBND-TNMT
Về công bố công khai và lưu trữ
hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất
năm 2024 của Quận 10

Quận 10, ngày 22 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân quận;
- Ủy ban nhân dân 14 phường

Căn cứ Điều 48 Luật đất đai 2013 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch năm 2018) quy định về công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 50 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lưu trữ hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10.

Xét Tờ trình số 529/TTr-TNMT ngày 22/4/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 10 có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân quận công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10 tại trụ sở Ủy ban nhân dân Quận 10 và trên cổng thông tin điện tử Quận 10 (<http://www.quan10.gov.vn>); Ủy ban nhân dân 14 phường công bố công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10 có liên quan đến phường tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

Việc công bố công khai được thực hiện trong suốt thời kỳ kế hoạch sử dụng đất. Hồ sơ công bố công khai gồm có (*đính kèm mã QR*):

- Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10;

- Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

- Bản đồ các khu vực chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024;

- Bản đồ khu vực đất thương mại - dịch vụ; đất ở đô thị năm 2024;

- Bản đồ vị trí các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (*các Phường có dự án: 6, 12, 14 và 15*).

Các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 về Ủy ban nhân dân Quận 10 (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) và lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường gửi các hồ sơ, tài liệu đến Văn phòng Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân 14 phường để các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện sao các hồ sơ có liên quan và niêm yết công khai theo quy định; phối hợp công bố công khai và hướng dẫn các đơn vị lưu trữ hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10 theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân quận./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Q10: CT, PCT/ĐT;
- P.TNMT;
- Lưu: VT, TN. Tiến.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Tâm

Mã QR các tài liệu công bố công khai
Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 Quận 10:



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1178~~/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2016-2020 Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về thông qua Danh mục dự án thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 10 tại Tờ trình số 844/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2794/TTr-TNMT-QLĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Quận 10 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch.
2. Kế hoạch thu hồi các loại đất.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 10 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

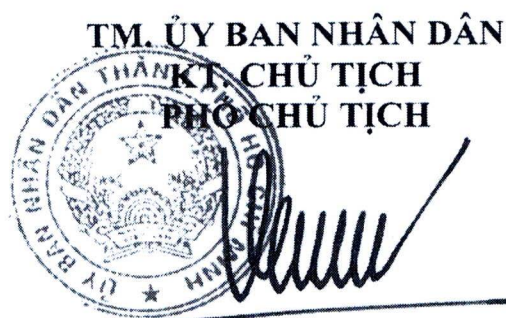
Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND TP;
- VPUB: Các PCVP;
- Các phòng NCTH;
- Lưu: VT (ĐT/PTH). 05



Bùi Xuân Cường

[illegible]

[illegible]

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P1	P2	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P 14	P15
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
-	Đất chợ	DCH	0,75	0,01				0,53								0,02	0,19
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,23	0,003	0,008	0,003		0,09	0,003	0,003	0,01	0,03		0,02	0,03	0,01	0,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,01											0,39		0,76	6,85
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT															
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	247,58	8,64	13,53	9,76	9,84	9,24	4,57	9,24	12,52	8,86	13,17	45,80	26,04	41,21	35,16
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,48	4,51	0,13	0,03	0,04	0,08	0,10	0,07	0,05	0,04	0,05	0,11	0,55	1,65	1,06
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,55		0,03	0,01	0,02				0,04	0,01	0,31	0,01	0,05	0,05	0,03
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,27			0,27											
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,23		0,07		0,01			0,01	0,03	0,02	0,03		0,02	0,01	0,03
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON															
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC															
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK															
3	Đất chưa sử dụng	CSD															
II	Khu chức năng		572,11	21,18	30,26	16,34	16,23	22,18	10,57	14,54	19,63	18,47	22,36	128,90	47,05	126,73	77,68
1	Đất khu công nghệ cao	KCN															
2	Đất khu kinh tế	KKT															
3	Đất đô thị	KDT	572,11	21,18	30,26	16,34	16,23	22,18	10,57	14,54	19,63	18,47	22,36	128,90	47,05	126,73	77,68

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024:

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

Đơn vị tính: ha

[illegible]

Stt	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P1	P2	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	P12	P13	P14	P15
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN															
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP															
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS															
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU															
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)															
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>															
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,06					1,06									

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: Trên địa bàn Quận 10 không còn đất chưa sử dụng./.